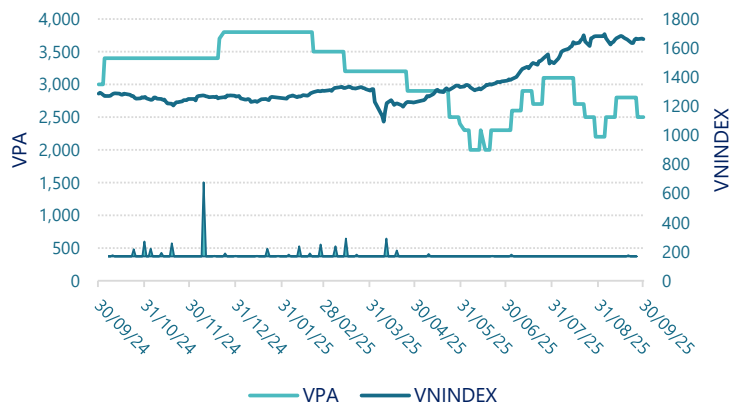


CTCP Vận Tải Hóa Dầu VP (UPCOM: VPA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	15,076,177
KLGD BQ 20 phiên (CP)	195
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	38
P/E	-0.9
EPS	-2,678

DT thuần

Q3/25

28.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.20| -15.5%

YoY: ▲6.80| 32.1%

LN sau thuế

Q3/25

-8.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▲1.99| 18.2%

YoY: ▼4.57| -105%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-19.4%

+/- YoY: ▼14.3%

DT thuần

9T 2025

94.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲21.7| 29.9%

LN sau thuế

9T 2025

-26.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲9.80| 27.2%

ROE

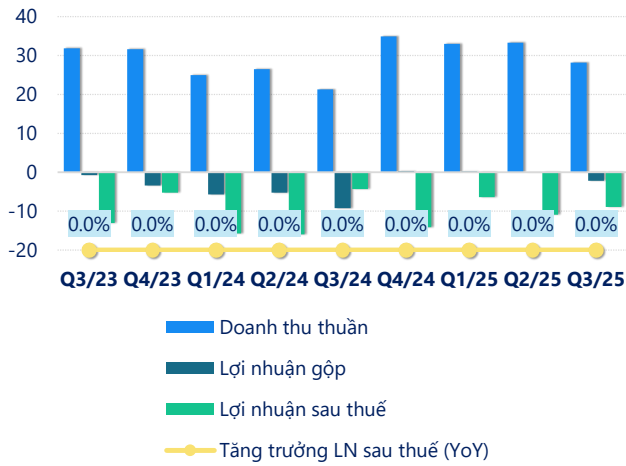
Q3/25

60.3%

+/- YoY: ▼101%

tỷ VNĐ

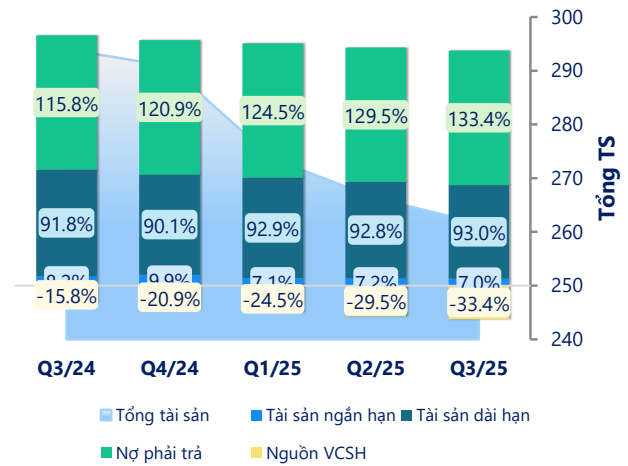
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

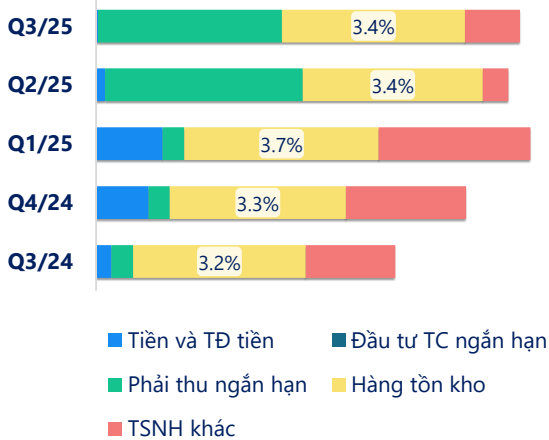
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



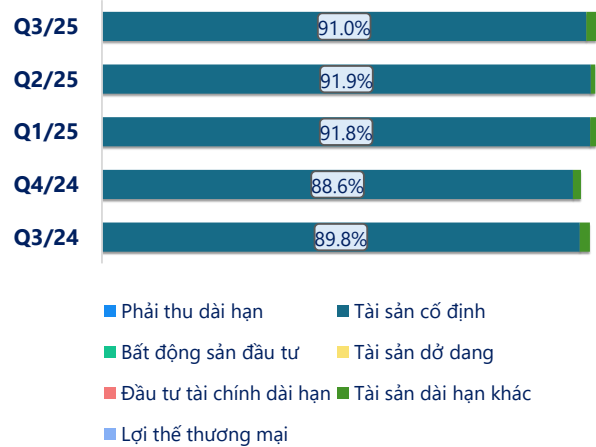
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

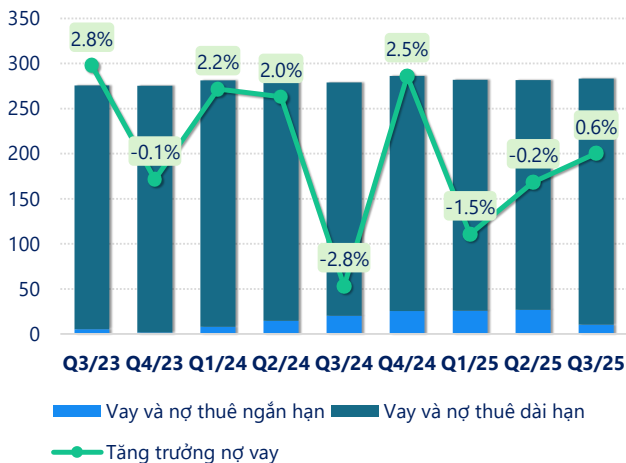
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

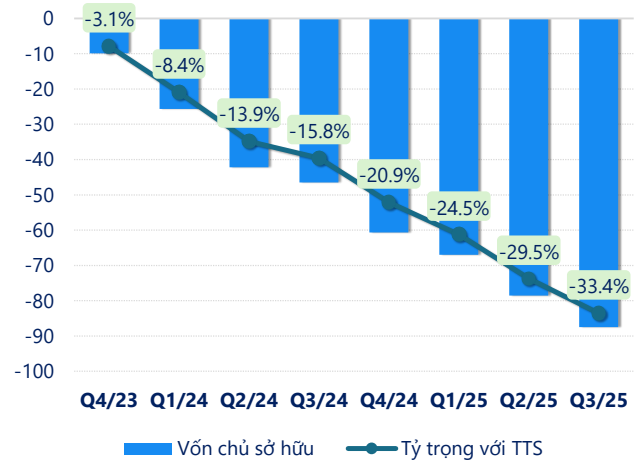
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

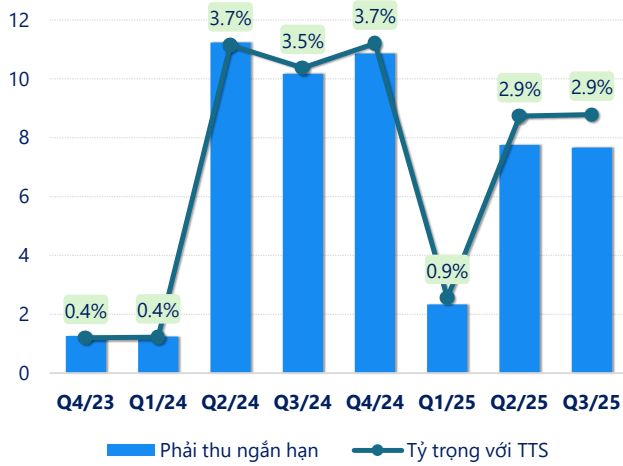
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



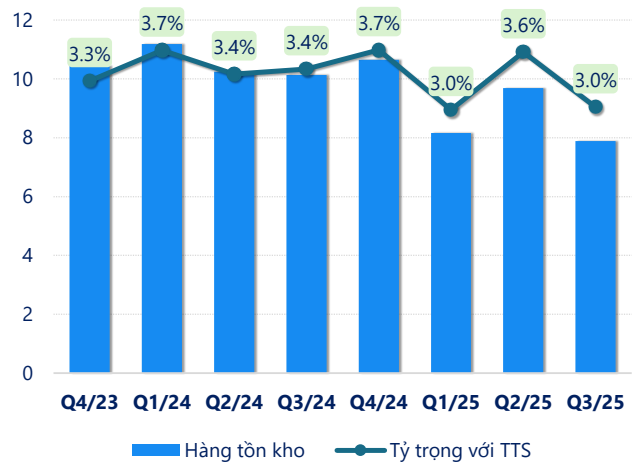
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


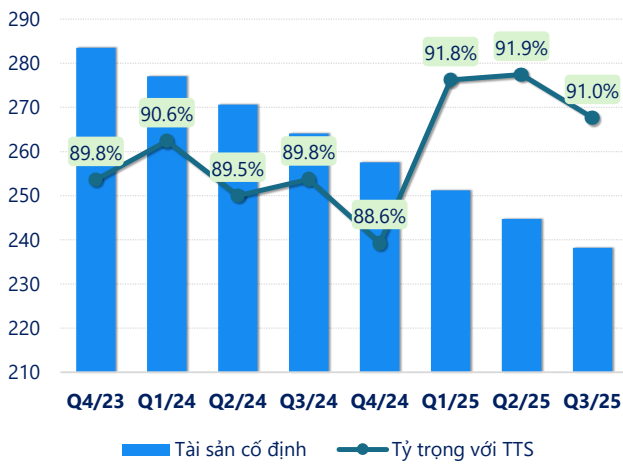
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


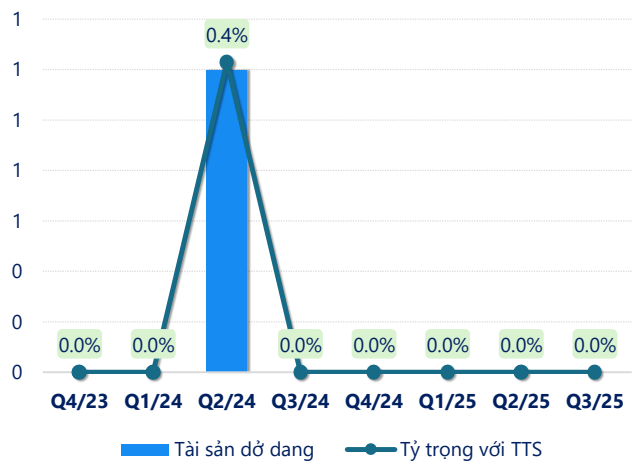
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

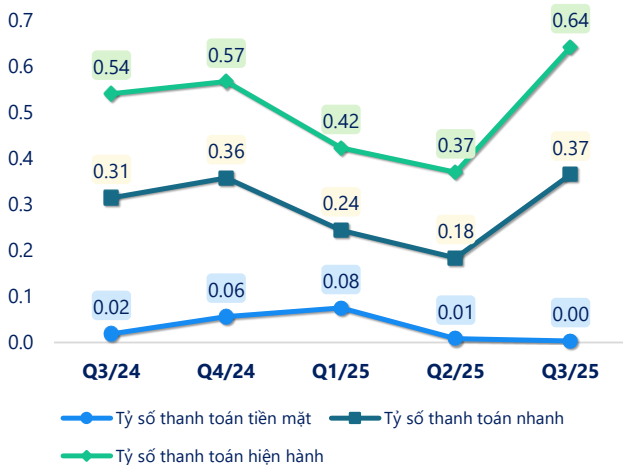
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	294	291	274	266	262
Tài sản ngắn hạn	24.2	28.8	19.3	19.3	18.3
Tiền và tương đương tiền	0.85	2.87	3.43	0.45	0.09
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	10.2	10.9	2.34	7.76	7.67
Hàng tồn kho	10.1	10.6	8.16	9.68	7.89
Tài sản ngắn hạn khác	3.04	4.44	5.37	1.36	2.64
Tài sản dài hạn	270	262	254	247	243
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	264	258	251	245	238
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.65	4.36	3.08	2.23	5.07
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	341	351	341	345	349
Nợ ngắn hạn	44.7	50.8	45.6	52.0	28.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.1	25.6	25.8	26.8	10.2
Phải trả người bán ngắn hạn	16.8	12.7	11.6	13.4	15.7
Nợ dài hạn	296	301	295	293	321
Vay và nợ thuê dài hạn	259	261	256	255	273
Nguồn vốn chủ sở hữu	-46.5	-60.6	-67.0	-78.6	-87.5
Vốn chủ sở hữu	-46.5	-60.6	-67.0	-78.6	-87.5
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)